

Số: 102/2020/QĐST-HNGĐ

CR, ngày 17 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Ngọc M**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ thường trú: Số 801, khu vực 1, phường HP, quận CR, TPCT.

Địa chỉ liên lạc: Số 50D, khu vực 11, phường HP, quận CR, TPCT.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ thường trú: Số 50D, khu vực 11, phường HP, quận CR, TPCT.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Ngọc M và ông Nguyễn Văn A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Thống nhất bà Huỳnh Ngọc M và ông Nguyễn Văn A thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Thống nhất có 01 cháu là Nguyễn Huỳnh Ngọc P (nữ), sinh ngày 29/9/1998 đã trưởng thành.

- **Về tài sản chung:** Cả hai tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi hòa giải và chỉ yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

+ Phần nhà và đất có diện tích 105,1m² (đất T), tại thửa số 59, tờ bản đồ 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02858 ngày 11/9/2002 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn A, đất tọa lạc tại khu vực 1, phường HP, quận CR, TPCT. Thống nhất

phần đất đã cấp cho hộ ông A theo xác nhận của Công an quận Cái Răng vào thời điểm này trong hộ chỉ có ông Nguyễn Văn A nên ông A và bà M phải tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để chuyển giao phần tài sản mà cả hai đã thỏa thuận phân chia cho bà Huỳnh Ngọc M được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

+ Phần nhà và đất có diện tích 175m² (trong đó: 60m² đất T và 115 đất LNK) tại thửa số 752 và 753, tờ bản đồ 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02977 ngày 04/12/2002 cấp cho ông Nguyễn Văn A, đất tọa lạc tại khu vực 6 (nay là khu vực 11), phường HP, quận CR, TPCT. Thống nhất phần đất này giao lại cho ông Nguyễn Văn A toàn quyền sử dụng, định đoạt và được xác lập thành tài sản riêng của ông Nguyễn Văn A. Bà M đã nhận được số tiền 10.000.000đồng là chi phí di dời để giao lại nhà cho ông A trong thời hạn 08 tháng kể từ ngày 07/8/2020 đến ngày 07/4/2021 và bà M phải giữ nguyên hiện trạng nhà đã được Tòa án thẩm định.

- Cả hai tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý phần tài sản này đúng trình tự, thủ tục luật định và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến việc chuyển giao tài sản theo văn bản đã thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 07/8/2020 như: các chi phí, lệ phí liên quan đến việc cấp giấy cho ai thì người đó phải nộp để được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- **Về nợ chung:** Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- **Về chi phí thẩm định tài sản:** Tuy cả hai đã tự thỏa thuận được phân tài sản chung của vợ chồng nhưng nguyên đơn yêu cầu Hội đồng thẩm định tài sản vẫn ghi nhận lại hiện trạng tài sản chung của vợ chồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu 3.000.000đồng chi phí thẩm định tài sản này. Nguyên đơn nộp 4.000.000đồng nên Tòa án đã giao lại số tiền dư là 1.000.000đồng cho nguyên đơn. Chi phí thẩm định tài sản đã nộp và chi xong.

- **Về án phí:**

+ **Án phí hôn nhân sơ thẩm:** Nguyên đơn tự nguyện chịu 150.000đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 007335 ngày 27/5/2019. Nguyên đơn được nhận lại 150.000đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án quận CR, TPCT.

+ **Án phí chia tài sản:** Do đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không ai phải chịu án phí theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp 6.250.000đồng theo biên lai thu số 007334 ngày 27/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự CR, TPCT.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận**

- Đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND Q.CR;
- THA DS Q.CR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kim Xuân